

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 1378/TT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 16 tháng 5 năm 2013

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VI, kỳ họp thứ 8

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VI, kỳ họp thứ 6 bổ sung chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật toàn khóa và chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI, nhiệm kỳ 2011 - 2016, UBND tỉnh đã xây dựng hoàn thành đề án Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020 và thông qua tại Phiên họp toàn thể UBND tỉnh ngày 23/4/2013.

Để có cơ sở phê duyệt, ban hành theo thẩm quyền, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VI, kỳ họp thứ 8 thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020 (có báo cáo tóm tắt kèm theo)./. Đề

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PVP;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH ↘



Nguyễn Đức Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

THUYẾT MINH TÓM TẮT
ĐỀ ÁN
QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG
ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN
NĂM 2020.

ĐÔNG HÀ - 5/2013

PHẦN MỞ ĐẦU

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA QHTT PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG TRỊ.

Hệ thống các đô thị tỉnh Quảng Trị nằm trong hệ thống dân cư vùng Bắc Trung Bộ trên cơ sở nền kinh tế nông nghiệp.

Tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước cùng với chính sách mở cửa thu hút vốn đầu tư, hội nhập vào khu vực và thế giới, đã đặt sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị vào một giai đoạn mới, và hệ thống các đô thị Quảng Trị cũng đang chuyển biến cùng với quá trình chuyển đổi về cơ cấu kinh tế xã hội.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự phát triển các khu, cụm CN – TTCN, trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch tác động đến quá trình đô thị hóa, phát triển hệ thống đô thị bao gồm các Thành phố, thị trấn thị tứ, các không gian đô thị hóa, đòi hỏi phải đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên phạm vi toàn tỉnh.

Sự mở rộng không gian đô thị kéo theo những tác động tiêu cực lên cảnh quan môi trường thiên nhiên, sự cân bằng sinh thái, các vùng bảo tồn thiên nhiên, các di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo ...

Tình trạng xây dựng nhà ở bám theo các trục lộ giao thông một cách tự phát và phân tán dẫn đến những khó khăn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu dân cư, cho việc quản lý xây dựng, bảo vệ môi trường .

Cùng với việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, cần phải tiến hành lập QHTT phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhằm định hướng cho việc xây dựng và quản lý xây dựng đô thị có hệ thống và đồng bộ, góp phần cho sự phát triển bền vững .

II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG TRỊ.

2.1. Các văn bản Trung ương.

- Luật Quy hoạch Đô thị;
- Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/1/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;
- Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/09/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị;
- Quyết định 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của BXD về ban hành “ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;
- Quyết định số 1659/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07/11/2012 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020.

- Quyết định số 321/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt QHTT phát triển KTXH tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

2.2. Các văn bản tỉnh

- Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 12/12/2006 của Hội nghị lần thứ 6, BCH đảng bộ tỉnh Quảng Trị khoá XIV về đẩy mạnh đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế hành lang kinh tế Đông - Tây đến năm 2010, có tính đến 2015;

- Nghị quyết 01/2007/NQ –HĐND ngày 12/4/2007 của HĐND tỉnh về quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị tỉnh đến năm 2010, chiến lược đến năm 2020;

- Chương trình hành động của UBND tỉnh Quảng Trị số 149/CtrHD-UB thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TU của Bộ chính trị;

- Kết luận số 10/KL-TU, hội nghị lần thứ 6, BCH Đảng bộ lần tỉnh khóa XV, tổng kết 9 năm thực hiện Nghị quyết 06 - NQ/TU ngày 28/10/2002 của tỉnh ủy (khóa XIII) về quy hoạch, quản lý quy hoạch và XD đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2010;

- Quyết định số 2144/QĐ-UB ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế QHTT phát triển HTĐT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011- 2020;

- Căn cứ thực trạng và phát triển hệ thống đô thị tại Quảng Trị;

III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng xây dựng các đô thị và cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu các cơ sở hình thành và phát triển hệ thống đô thị (chủ yếu là : cơ sở kinh tế - kỹ thuật theo quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội được duyệt; dân số, lao động, xã hội và mức đô thị hóa; sử dụng đất đai và việc lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật phát triển phù hợp).

- Xây dựng định hướng phát triển không gian hệ thống các đô thị đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh và các huyện, thị.

- Xây dựng định hướng phát triển kết cấu hạ tầng diện rộng (mạng lưới và các công trình đầu mối KT-HT vùng tỉnh của các đô thị).

- Đề xuất chương trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật chủ yếu, phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh và cho các huyện thị.

Phần I:

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG TRỊ.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.

1.1. Vị trí địa lý :

- + Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình .
- + Phía Tây giáp CHDCND Lào.
- + Phía Đông giáp biển Đông.
- + Phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.2. Các đặc điểm tự nhiên

1.2.1. Khí hậu :

Quảng Trị nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền nhiệt độ cao, chế độ ánh sáng và mưa, ẩm dồi dào, tổng tích ôn cao... là những thuận lợi cơ bản cho phát triển các loại cây trồng nông, lâm nghiệp. Tuy nhiên, Quảng Trị được coi là vùng có khí hậu khá khắc nghiệt, chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng thổi mạnh từ tháng 3 đến tháng 9 thường gây nên hạn hán. Từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc kèm theo mưa nên dễ gây nên lũ lụt.

1.2.2. Thủy văn :

Quảng Trị có hệ thống sông ngòi khá dày đặc, mật độ trung bình 0,8-1 km/km². Do đặc điểm địa hình bề ngang hẹp, có dãy Trường Sơn núi cao ở phía Tây nên các sông của Quảng Trị có đặc điểm chung là ngắn và dốc. Toàn tỉnh có 12 con sông lớn nhỏ, tạo thành 03 hệ thống sông chính là sông Bến Hải, sông Thạch Hãn và sông Ô Lâu (Mỹ Chánh).

1.2.3. Địa hình – đất đai :

Do cấu tạo của dãy Trường Sơn, địa hình Quảng Trị thấp dần từ Tây sang Đông, Đông Nam và chia thành 4 dạng địa hình: vùng núi cao phân bố ở phía Tây từ đỉnh dãy Trường Sơn đến miền đồi bát úp; vùng trung du và đồng bằng nhỏ hẹp chạy dọc tỉnh; kế đến là vùng cát nội đồng và ven biển. Do địa hình phía Tây núi cao, chiều ngang nhỏ hẹp nên hệ thống sông suối đều ngắn và dốc.

1.3. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên

1.3.1. Tài nguyên biển :

Quảng Trị có bờ biển dài 75 km với 2 cửa lạch quan trọng là Cửa Việt và Cửa Tùng. Vùng lãnh hải đặc quyền kinh tế rộng trên 8.400 km², ngư trường đánh bắt rộng lớn, khá giàu hải sản có giá trị kinh tế cao như tôm hùm, mực nang, cua, hải sâm, tào và một số loài cá, san hô quý hiếm. Trữ lượng hải sản vùng biển tỉnh Quảng Trị có khoảng 60.000 tấn. Khả năng khai thác hàng năm khoảng 17.000 tấn.

1.3.2. Tài nguyên rừng :

Rừng Quảng Trị có khoảng 1.053 loại thực vật thuộc 528 chi, 130 họ, trong đó có 175 loài cây gỗ. Động vật rừng cũng khá phong phú và đa dạng. Hiện tại có khoảng 67 loài thú, 193 loài chim và 64 loài lưỡng cư bò sát (thuộc 17 họ, 3 bộ) đang sinh sống tại rừng Quảng Trị.

1.3.3. Tài nguyên khoáng sản :

Tài nguyên khoáng sản của tỉnh Quảng Trị khá phong phú và đa dạng, đặc biệt là khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng và làm vật liệu xây dựng. Đây là điều kiện để tỉnh có thể phát triển mạnh công nghiệp xi măng và VLXD.

1.3.4. Tài nguyên du lịch :

Quảng Trị có hệ thống di tích chiến tranh cách mạng gắn liền với cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại của dân tộc, trong đó có những địa danh nổi tiếng thế giới như Thành cổ Quảng Trị, địa đạo Vịnh Mốc, di tích Hiền Lương, Cồn Tiên, Dốc Miếu, đường mòn Hồ Chí Minh, Khe Sanh, Làng Vây, nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn...

Quảng Trị có bờ biển dài với những cảnh quan đẹp, còn nguyên sơ với những bãi tắm nổi tiếng như Cửa Tùng, Cửa Việt, Mỹ Thủy, Triệu Lăng, Cồn Cỏ... để phát triển du lịch sinh thái biển. Quảng Trị có vị trí đầu cầu trên hành lang kinh tế Đông - Tây, điểm kết nối giữa sản phẩm du lịch Đông - Tây, Con đường di sản miền Trung và Con đường huyền thoại.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG TRỊ.

2.1. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị :

2.1.1. Thực trạng sử dụng đất và đất xây dựng đô thị :

Bảng 1 - Hiện trạng sử dụng đất đô thị (2010)

Stt	Đô thị	DT tự nhiên (ha)	Đất NN (ha)	Đất phi nông nghiệp (ha)	Đất ở (ha)	Đất chưa sử dụng (ha)
1	Thành phố Đông Hà	7.295,87	4.063,62	1.946,17	714,86	571,22
2	Thị xã Quảng Trị	7.291,60	5.802,01	1.183,83	176,95	128,81
3	Thị trấn Hải Lăng	280,51	74,07	127,02	22,49	56,93
4	Thị trấn Ai Tử	346,29	92,66	130,6	28,5	94,53
5	Thị trấn Cam Lộ	1.054,31	723,53	254,35	34,87	41,56
6	Thị trấn Cửa Việt	734,28	320,85	222,6	29,96	160,87
7	Thị trấn Gio Linh	774,17	365,14	127,89	35,17	245,97
8	Thị trấn Hồ Xá	692,10	400,26	169,48	68,55	53,81
9	Thị trấn Bến Quan	421,58	298,87	71,53	12,06	39,12
10	Thị trấn Cửa Tùng	467,99	258,03	105,24	38,89	65,83
11	Thị trấn Krông Klang	1.841,20	1559,88	109,22	29,7	142,4

12	Thị trấn Khe Sanh	1.341,36	800,45	154,92	113,44	272,55
13	Thị trấn Lao Bảo	1.716,60	915,14	231,1	54,5	515,86
	Tổng	24.257,86	15.674,51	4.833,95	1.359,94	2389,46

Nguồn Kiểm kê đất đai năm 2010 tỉnh Quảng Trị – Sở tài nguyên môi trường

Ghi chú: Đất ở nông thôn (xã Hải Lệ) có diện tích 25,53ha.

2.1.2. Thực trạng đô thị hóa và phát triển dân cư đô thị

Dân số năm 2005 :

- + Tổng dân số : 590.276 người
- + Thành thị 152.485 người (25,83%)
- + Nông thôn 437.791 người (74,17%)

Dân số năm 2011 :

- + Tổng dân số : 604.671 người
- + Thành thị 177.227 người (29,31%)
- + Nông thôn 427.444 người (70,69%)

2.1.3. Hiện trạng các đô thị.

Bảng 2. Hiện trạng diện tích & dân số các đô thị (2011)

Stt	Đô thị	Diện tích tự nhiên (ha)	Dân số (người)	Tính chất	Đơn vị hành chính
1	Thành phố Đông Hà	7.295,87	86.333,00	Đô thị Tỉnh lỵ	9 phường
2	Thị xã Quảng Trị	7.291,60	22.976,00	Đô thị vùng	4 phường, 1 xã
3	Thị trấn Hải Lăng	280,51	2.865,00	Trung tâm Huyện lỵ	
4	Thị trấn Ai Tử	346,29	3.697,00	Trung tâm Huyện lỵ	
5	Thị trấn Gio Linh	774,17	7.195,00	Trung tâm Huyện lỵ	
6	Thị trấn Cửa Việt	734,28	4.812,00	DLDV	
7	Thị trấn Cửa Tùng	467,99	5.702,00	DLDV	
8	Thị trấn Hồ Xá	692,10	11.997,00	Trung tâm Huyện lỵ	
9	Thị trấn Bến Quan	421,58	3.643,00	Đô thị vùng	
10	Thị trấn Cam Lộ	1.054,31	6.202,00	Trung tâm Huyện lỵ	
11	Thị trấn Krông Klang	1.841,20	3.342,00	Trung tâm Huyện lỵ	
12	Thị Trấn Khe Sanh	1.341,36	11.245,00	Trung tâm Huyện lỵ	

13	Thị trấn Lao Bảo	1.716,60	9.994,00	KTTMĐB	
	Tổng	24.257,86	177.227,00		

Nguồn kiểm kê đất đai Sở tài nguyên môi trường năm 2010 và Niên giám thống kê 2011

III. THỰC TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT.

3.1. Giao thông

3.1.1. Đường bộ

a. Giao thông quốc gia và liên vùng :

Có 03 tuyến Quốc lộ chạy qua tỉnh Quảng Trị :

- **Quốc lộ 1A** : Cắt qua tỉnh Quảng Trị theo hướng Bắc - Nam, với chiều toàn tuyến 75,5km.

- **Quốc lộ 9** : Cắt qua tỉnh Quảng Trị theo hướng Đông - Tây, kéo dài từ Cửa Việt đến thị Thị trấn Lao Bảo, với chiều dài toàn tuyến 118,2km.

- **Đường Hồ Chí Minh** :

- + Nhánh Đông, đoạn qua tỉnh Quảng Trị dài 44 km được xây dựng đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, nền rộng 9 m, mặt rộng 7 m.

- + Nhánh Tây: đoạn qua tỉnh Quảng Trị dài 139 km, được xây dựng đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi, nền đường rộng 6,5 – 18 m, mặt đường rộng 5,5-13,5 m.

- **Bến xe đối ngoại: gồm 2 bến xe liên tỉnh.**

b. Giao thông vùng tỉnh

- Có 20 tuyến Tỉnh lộ, tổng chiều dài 306km

- Bến xe nội tỉnh: gồm 6 bến

c. Giao thông đô thị :

- Thành phố Đông Hà: Khoảng 180 tuyến với chiều dài 288,9km

- Thị xã Quảng Trị: Khoảng 53 tuyến với chiều dài 38km

- Thị trấn Ái Tử: Khoảng 40 tuyến với chiều dài 18km

- Thị trấn Hải Lăng: Khoảng 24 tuyến với chiều dài 16km

- Thị trấn Gio Linh: Khoảng 32 tuyến với chiều dài 29km

- Thị trấn Cửa Việt: Khoảng 20 tuyến với chiều dài 20km

- Thị trấn Hồ Xá: Khoảng 42 tuyến với chiều dài 33.6km

- Thị trấn Cửa Tùng: Các tuyến chính Chiều dài khoảng 15km

- Thị trấn Bến Quan: Chiều dài khoảng 6km

- Thị trấn Cam Lộ: Khoảng hơn 10 tuyến chính với chiều dài khoảng 20km

- Thị trấn Krông - Klang: Khoảng hơn 6 tuyến chính với chiều dài khoảng 7km
- Thị trấn Khe Sanh: Khoảng hơn 30 tuyến với chiều dài khoảng 30km
- Thị trấn Lao Bảo: Khoảng hơn 50 tuyến chính với chiều dài khoảng 40km

d. Giao thông đường sắt: Đường sắt Bắc Nam đoạn qua tỉnh Quảng Trị dài 76 km, khổ 1000 mm: gồm 7 ga, hầu hết các ga đạt tiêu chuẩn cấp 3 và 4, riêng ga Đông Hà đạt cấp 4.

3.1.2. Đường thủy

- Sông Hiếu: tuyến dài 66km, độ sâu luồng lạch -1,2m đến -2,6m.
- Sông Thạch Hãn: dài 46 km, từ ngã ba Gia Độ đến Ba Lòng, độ sâu luồng lạch -1,2 m, .
- Sông Bến Hải: dài 41 km được chia làm 2 nhánh.
- Sông Mỹ Chánh: dài 15 km, độ sâu luồng lạch -1,2m đến -3m

*. **Hệ thống cảng sông:** Quảng Trị có 1 cảng sông trên tuyến sông Hiếu thuộc thành phố Đông Hà.

*. **Hệ thống cảng biển:** Cảng Cửa Việt với diện tích 4,2ha, công suất hiện tại 400.000 tấn/năm, khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải 3000 DWT cập cảng.

3.2. Hiện trạng cấp nước

Các trạm cấp nước các đô thị trong tỉnh Quảng Trị.

Stt	Thị trấn	Công trình	Công suất (m ³ /ngày đêm)	Nguồn nước
1	Thị trấn Gio Linh	NMN Gio Linh	15.000	Nguồn nước ngầm
2	Thị trấn Hồ Xá	NMN Vĩnh Linh	2.000	Nguồn nước mặt
3	Thị trấn Bến Quan	NMN Bến Quan	2.000	Khai thác nước mặt sông Rào Quán
4	Thị trấn Cam Lộ	NMN Cam Lộ	2.000	Khai thác nước mặt sông Hiếu
5	Thị trấn Hải Lăng	NMN Hải Lăng	2.000	Khai thác nước mặt sông Nhùng
6	Thị trấn Krông Klang	TCN ĐaKrông	2.000	Khai thác nước mặt sông ĐaKrông
7	Thị trấn Khe Sanh	TCN Khe Sanh	3.000	Khai thác nước mặt suối Khe Sanh
8	Thị trấn Lao Bảo	NMN Lao Bảo	3.000	Khai thác nước mặt sông SêPôn

Stt	Thị trấn	Công trình	Công suất (m ³ /ngày đêm)	Nguồn nước
9	Thị trấn Cửa Việt	TBTA Gio Mai	1.000	Khai thác nguồn nước đã xử lý của NMN Gio Linh
10	Thị trấn Cửa Tùng	Chưa có HTCN	Dự kiến 2000	Khai thác nguồn nước đã xử lý của NMN Gio Linh
11	Thành phố Đông Hà	Nhà máy nước Đông Hà	15.000	Nguồn nước sông Vĩnh Phước
12	Thị xã Quảng Trị - thị trấn Ái Tử	Nhà máy nước Tích Tường	3.500	Nguồn nước hồ Tích Tường

3.3. Hiện trạng cấp điện

3.3.1. Các nguồn cung cấp điện năng:

a. Trạm biến áp 220/110KV:

- Cấp nguồn từ nguồn lưới điện quốc gia cho tỉnh Quảng Trị chủ yếu từ TBA 220/110KV-1x125MVA Ngự Bình-TP Huế và TBA 220/110KV-1x125MVA Đông Hới; TBA 220/110KV-1x125MVA Đông Hà.

- Các TBA 110/35/22KV: Có 5 TBA 110KV đang vận hành: TBA 110KV Đông Hà; TBA 110KV Vĩnh Linh với quy mô công suất 2x25MVA; TBA 110KV Lao Bảo; TBA 110KV Diên Sanh; TBA 110KV Khe Sanh.

b. Các nhà máy thủy điện:

- Đã đưa vào vận hành công trình Thủy lợi- thủy điện Quảng Trị có hai tổ máy phát, với công suất lắp máy 2x32MW.

- Các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, có công suất lắp máy tổng cộng dự kiến khoảng 118,3MW.

3.4. Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

3.4.1. Thoát nước thải

+ Các đô thị: hệ thống thoát nước chủ yếu được xây dựng ở các đô thị lớn như :

- Thành phố Đông Hà là hệ thống cống thoát nước chung cho cả nước mưa và nước thải với tổng chiều dài các tuyến cống là 75 km.

- Thị xã Quảng Trị từng bước đầu tư xây dựng các đường cống và mương thoát nước chung cho các trục phố chính. Hiện nay đã có 8/51 trục đường có hệ thống thoát nước, tổng chiều dài 7,3 km. Hiện đang triển khai dự án thoát nước, xử lý nước thải do Na Uy tài trợ.

+ Các thị trấn thuộc các huyện: Trong số các thị trấn của các huyện không phải thị trấn nào cũng có hệ thống thoát nước. Hiện trạng thoát nước của các thị trấn như sau:

- Các huyện: Vĩnh Linh, Thị trấn của các huyện này đều có hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải), nhưng chưa hoàn chỉnh, chấp vá chủ yếu một vài tuyến cống, mương hở thoát nước bám theo các trục đường giao thông chính ở khu trung tâm.

- Các huyện còn lại: chưa có hệ thống thoát nước. Nước mưa và nước thải thoát theo địa hình tự nhiên: rãnh đất, ruộng, mương...

3.4.2. Chất thải rắn (CTR)

Hiện tại thành phố Đông Hà có Công ty môi trường đô thị thu gom khoảng 45 tấn/ngày (tỷ lệ thu gom 83,7%) vận chuyển đến bãi xử lý chất thải rắn. Thị xã Quảng Trị thu gom được khoảng 90% lượng rác trong thị xã, bãi rác hiện nay của thị xã Quảng Trị nằm trong khu dân cư đang quá tải và gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Các thị trấn Hồ Xá, Khe Sanh, Lao Bảo bãi rác hiện có chỉ là bãi dùn để đổ rác, đốt rác và chôn lấp không hợp vệ sinh có diện tích nhỏ không được đầu tư về kỹ thuật xây dựng.

b. Chất thải rắn công nghiệp:

Nhìn chung CTR công nghiệp từ quá trình sản xuất, chế biến và khai thác tài nguyên của tỉnh chưa được quản lý. Việc thu gom và xử lý CTR công nghiệp hiện tại của các cơ sở sản xuất chỉ là cục bộ và tự phát, chưa có phân loại, thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

c. CTR bệnh viện:

Hiện tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã có xử lý CTR bằng lò đốt thủ công, chỉ có bệnh viện đa khoa Đakrông chưa có lò đốt CTR y tế.

4.4.3. Nghĩa trang:

- Tại thành phố Đông Hà: nghĩa trang vùng phường 4, diện tích 20 ha và Nghĩa trang phường Đông Lương với diện tích 40ha.

- Thị xã Quảng Trị: nghĩa trang tập trung được xây dựng phía Nam thị xã.

- Các đô thị thuộc các huyện hầu như không có nghĩa trang tập trung, phần lớn các nghĩa trang là phân tán, phục vụ cho từng đô thị, từng cụm dân cư (đối với khu vực nông thôn). Công nghệ táng của nhân dân chủ yếu là chôn cất một lần.

IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP VỀ HIỆN TRẠNG, TIỀM NĂNG VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

4.1. Những lợi thế:

4.1.1. Vị thế: Quảng Trị có một lợi thế nổi trội về vị trí địa kinh tế - điểm đầu trên Hành lang kinh tế Đông - Tây, có hệ thống đường bộ, đường thủy, cảng biển...do vậy có điều kiện thuận lợi phát triển các mũi nhọn kinh tế; là địa bàn tiên tiêu, trực tiếp chia sẻ lợi ích, liên kết, hợp tác với các quốc gia láng giềng để cùng phát triển thịnh vượng.

5.1.2. Tiềm năng phát triển kinh tế:

- Kinh tế biển: Lợi thế về bờ biển dài 75 km và đảo Cồn Cỏ có ngư trường rộng lớn, nguồn thủy, hải sản phong phú; khu vực ven biển huyện Hải Lăng có nhiều điều kiện thuận

lợi để hình thành và phát triển một cảng đào có quy mô lớn với độ sâu đến 15 m có thể tiếp nhận tàu đến 50.000 DWT. Với phát hiện quan trọng về tiềm năng khí tại lô 113, 112 trên vùng biển thềm lục địa Việt Nam cách bờ biển Quảng Trị khoảng 100 - 130 km thì hoàn toàn có thể tính đến việc phát triển các ngành công nghiệp dựa trên khí ở vùng ven bờ tỉnh Quảng Trị. Trên cơ sở đó có thể xây dựng các tổ hợp khí - điện trên đất liền kết nối vào lưới điện quốc gia.

- Kinh tế cửa khẩu: Quảng Trị đã tập trung xây dựng Khu KT-TM đặc biệt Lao Bảo để khai thác tiềm năng lợi thế về kinh tế - thương mại của các nước nằm trên EWEC, tạo cơ hội để hội nhập và phát triển.

- Công nghiệp: Lợi thế so sánh của công nghiệp Quảng Trị là xuất khẩu các sản phẩm chế biến, nhất là chế biến gỗ rừng trồng; chế biến thủy hải sản. v.v...

- Cây công nghiệp: Với vùng đất đỏ Bazan nằm giữa dải đồng bằng ven biển phía Đông và dãy Trường Sơn phía Tây, rộng chừng 30.000ha, có khả năng tạo thành vùng trồng cây công nghiệp đặc sản quy mô lớn như: Cao su, Cà phê, Ca cao, Hồ tiêu, Nám, Đậu các loại, Nếp hương v.v....

- Du lịch: Có thể mạnh du lịch *biển* (các khu nghỉ dưỡng và bãi tắm tại Cửa Tùng, đảo Cồn Cỏ) và *rừng* (chủ yếu ở các huyện Hướng Hóa, Đăkrông) với các khu du lịch sinh thái có giá trị phục vụ du lịch cao, có sức hấp dẫn đặc biệt đối với khách du lịch trong và ngoài nước.

- Môi trường đầu tư: tỉnh Quảng Trị đã có các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trong đó dành nhiều hỗ trợ và ưu đãi cho nhà đầu tư so với ưu đãi chung của Chính phủ như: ưu đãi về tiền thuê đất, đào tạo lao động, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các dự án...

4.1.3. Về phát triển hệ thống đô thị và mạng lưới khung hạ tầng kỹ thuật- bảo vệ môi trường

- Có hệ thống hạ tầng khung kỹ thuật quan trọng của quốc gia đi qua: đường bộ và đường sắt Bắc- Nam, tuyến hành lang ven biển, tiềm năng hình thành cảng biển nước sâu Mỹ Thủy, cảng hàng không, công trình thủy lợi-thủy điện quan trọng Rào Quán... là những lợi thế để phát triển kinh tế.

- Mạng lưới đô thị hình thành tương đối phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên và yếu tố KT-XH, cụ thể ở vùng đồng bằng duyên hải, phân bố theo dạng chuỗi bám dọc hành lang kinh tế QL 1A, các đô thị có qui mô vừa và tương đối lớn. Vùng núi, gò đồi, các đô thị bám dọc các trục, hành lang kinh tế QL 9, đường HCM và khoảng cách giữa các đô thị tương đối lớn. Còn lại, tại một số nơi điều kiện địa hình phức tạp, không thuận tiện kết nối giao thông, đô thị có qui mô nhỏ. Các thị tứ, điểm dân cư nông thôn đều được hình thành gắn liền với nơi buôn bán sầm uất, gần sông, chợ, các vùng có nghề truyền thống như trồng trọt, sản xuất tiêu thủ công nghiệp.

- Các đô thị đều đã có hoặc đang triển khai quy hoạch tổng thể.

5.2.Những hạn chế .

- Mạng đường bộ phân bố chưa đồng đều giữa các vùng ven biển, đồng bằng và trung du miền núi đặc biệt là ở khu vực phía Tây, thuộc các huyện Hướng Hóa, Đăkrông. Hạn chế về kết nối giao thông theo hướng Đông -Tây, hiện có duy nhất QL 9, trong tương lai nếu không tăng cường thêm các đường hướng Đông Tây có thể gây nên tình trạng quá tải ảnh hưởng đến khả năng lưu thông trên toàn tuyến. Tình trạng ngập lụt vào mùa mưa lũ chủ yếu tại khu vực phía Nam tình tác động xấu đến mạng lưới HTKT.

- Việc chi tập trung phát triển một số đô thị đã tạo sức ép lên các đô thị lớn đồng thời càng đẩy xa khoảng cách trong phát triển đô thị. Chất lượng đời sống dân cư giữa các đô thị ngày càng khác biệt, đặc biệt là giữa đô thị vùng đồng bằng và đô thị miền núi, giữa đô thị với nông thôn khoảng cách này còn lớn hơn nữa.

- Hạ tầng cơ sở của các đô thị phát triển chậm, đầu tư thiếu đồng bộ, chưa khai thác được các yếu tố điều kiện tự nhiên, địa hình, văn hóa ...của các vùng để định hình được các nét đặc trưng riêng của đô thị.

- Tốc độ đô thị hóa (diện tích đô thị / diện tích của vùng) của các đô thị còn thấp so với mặt bằng chung của vùng BTB cũng như cả nước.

Phần II:

CÁC TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG TRỊ

I. PHÂN VÙNG KINH TẾ VÀ CƠ SỞ KINH TẾ – KỸ THUẬT HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ.

1.1. Phân vùng kinh tế:

1.1.1. Vùng trung tâm:

Trung tâm Thương mại - Dịch vụ - Du lịch- Công nghiệp; vùng tập trung đô thị- dân cư lớn của Tỉnh.

- TP Đông Hà: trung tâm kinh tế- hành chính của Tỉnh, một trong các trung tâm thương mại- dịch vụ- tài chính- dân cư của vùng Bắc Trung Bộ.

- Thị trấn Gio Linh: đô thị dịch vụ - thương mại- gắn với khai thác TM-DV trên tuyến HLKT quốc lộ 1A.

- Thị trấn Ái Tử: đô thị dịch vụ - thương mại gắn với khai thác TM-DV trên tuyến HLKT quốc lộ 1A.

- Thị trấn Cam Lộ: đô thị dịch vụ - thương mại gắn với khai thác TM-DV trên tuyến HLKT Quốc lộ 9.

1.1.2. Vùng kinh tế ven biển phía Đông: vùng phát triển thế mạnh là kinh tế biển (công nghiệp- dịch vụ- du lịch).

Vùng phía Đông phân chia thành 3 tiểu vùng:

a. Tiểu vùng phía Bắc : Phạm vi: Gồm các đô thị Hồ Xá, Cửa Tùng, Cửa Việt và các xã thuộc huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong nằm về phía Đông quốc lộ 1A.

- Đô thị Hồ Xá: là trung tâm tiểu vùng Bắc sông Thạch Hãn.
- Đô thị Cửa Tùng: đô thị dịch vụ- du lịch biển.
- Đô thị Cửa Việt: đô thị dịch vụ- công nghiệp -du lịch biển.

b. Tiểu vùng phía Nam : Phạm vi: gồm thị xã Quảng Trị, thị trấn Hải Lăng và các xã thuộc huyện Triệu Phong, Hải Lăng nằm ở phía Đông QL 1A. Đô thị Quảng Trị: là trung tâm tiểu vùng Nam sông Thạch Hãn.

1.1.3. Vùng kinh tế hỗn hợp:

Phạm vi bao gồm các xã, thị trấn thuộc các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng nằm trong vùng địa hình *phía Đông* giáp QL 1A và *phía Tây* tiếp giáp các huyện Hướng Hóa, Đakrông.

Đô thị Krông Klang: nằm trên QL 9 (HLKT Đông Tây) là đô thị trung tâm, đầu mối thương mại- dịch vụ du lịch- công nghiệp của vùng kinh tế hỗn hợp.

1.1.4. Vùng kinh tế cửa khẩu- đô thị- dân cư phía Tây:

Phạm vi: bao gồm KKTMDB Lao Bảo và các xã, thị trấn thuộc 2 huyện Hướng Hóa, Đakrông (khu kinh tế khai thác cửa khẩu LaLay).

Đặc điểm địa hình: địa hình khá phức tạp, phần lớn là núi cao, ít quĩ đất bằng phẳng.

1.2. Cơ sở kinh tế và kỹ thuật hình thành, phát triển các đô thị .

1.2.1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế:

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) theo giá hiện hành: Năm 2011 đạt khoảng 12.998.263,00 triệu đồng.

Cơ cấu GDP theo giá hiện hành

Danh mục	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Cơ cấu (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Nông lâm thủy sản	35,93	34,71	33,64	33,50	30,40	28,93	27,89
Công nghiệp và XD	25,60	27,68	29,13	31,35	33,41	35,50	37,01
Thương mại - dịch vụ	38,47	37,60	37,24	35,15	36,20	35,57	35,10

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê 2011 tỉnh Quảng Trị.

1.3. Động lực phát triển đô thị:

1.3.1. Phát triển ngành du lịch và dịch vụ :

a. Phát triển dịch vụ cho ngành nông nghiệp :

Theo định hướng quy hoạch tổng thể KT - XH tỉnh Quảng Trị trong những năm tới ngành thủy hải sản và nông lâm nghiệp, trong đó trọng tâm là ngành nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản ... được tập trung ưu tiên đầu tư phát triển sẽ thúc đẩy các ngành dịch vụ cho ngư - nông - lâm nghiệp phát triển theo. Các dịch vụ này bao gồm :

- Dịch vụ cây con giống, thức ăn gia súc, gia cầm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thú y ...
- Dịch vụ tài chính ngân hàng
- Dịch vụ thương mại
- Dịch vụ công cộng về y tế, giáo dục, văn hoá, TDTT vui chơi giải trí phục vụ nhu cầu đời sống hàng ngày của nhân dân.

b. Phát triển ngành du lịch :

- Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mạnh có đóng góp lớn cho nền kinh tế; lựa chọn một số sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc trưng để xây dựng một số thương hiệu du lịch mạnh như: du lịch về lại chiến trường xưa, hành lang kinh tế Đông - Tây, sinh thái biển - đảo, thăm quan các di tích; phát triển mạnh khu dịch vụ và du lịch Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ
- Liên kết chặt chẽ với du lịch các vùng miền trong cả nước và các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây để hình thành các tuyến du lịch trong nước với quốc tế;

1.3.2. Phát triển công nghiệp :

- Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và đồ uống.
- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.
- Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.
- Công nghiệp cơ khí.

1.3.3. Phát triển kết cấu hạ tầng:

- Tập trung đầu tư các công trình hạ tầng có tính quyết định tạo sức bật cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời có tính chiến lược lâu dài như tuyến quốc lộ 1A, đường cao tốc đoạn Cam Lộ - Túy Loan... xây dựng hệ thống đường bộ ven biển, đường hành lang biên giới qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Ưu tiên đầu tư các công trình giao thông trọng điểm, phát triển hệ thống điện phục vụ các khu công nghiệp, hệ thống cấp thoát nước đô thị.

1.4. Các vùng động lực:

1.4.1. Thành phố Đông Hà:

Đảm nhận vai trò trung tâm chính trị, dịch vụ, thương mại, tài chính, du lịch, công nghiệp của tỉnh; là một trong những đầu mối giao lưu và phát triển chủ đạo trên hành lang kinh tế Đông - Tây và vùng Bắc Trung Bộ. Đông Hà có vị trí thuận lợi nằm trọn ở không gian giao cắt của 2 hành lang kinh tế, là đô thị động lực thúc đẩy phát triển toàn bộ mạng lưới đô thị toàn tỉnh, không gian đô thị phát triển có sức lan tỏa rộng tới các đô thị trên hành lang kinh tế Đông Tây và đường 9.

1.4.2. Khu KTTMĐB Lao Bảo (huyện Hướng Hóa).

Có vai trò là trung tâm kinh tế, dịch vụ, thương mại, tài chính, công nghiệp, du lịch; đồng thời đảm nhận vai trò là trung tâm giao lưu quốc tế, đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước trong mối quan hệ với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông.

1.4.3. Khu vực Đông Nam tỉnh:

Bao gồm 8 xã ven biển thuộc 2 huyện Hải Lăng và Triệu Phong. Có vị trí phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp đường tỉnh lộ TL581 và TL582, phía Bắc giáp xã Gio Hải - huyện Gio Linh và phía Nam giáp huyện Phong Điền (tỉnh Thừa Thiên - Huế). Với tính chất là khu phát triển kinh tế biển tổng hợp, có kết cấu hạ tầng hiện đại. Trọng tâm là dịch vụ cảng biển, công nghiệp đóng và sửa chữa tàu thuyền, công nghiệp, vật liệu xây dựng và vật liệu mới, công nghiệp khí, dịch vụ hậu cần (logistic). Là một đô thị hiện đại với cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, có môi trường ở trong sạch gắn liền với thiên nhiên.

1.4.4. Khu vực Cửa Việt – Cửa Tùng – Cửa Cờ:

Khai thác dịch vụ-du lịch biển, vai trò là khu vực trung tâm dịch vụ-du lịch nghỉ dưỡng biển lớn nhất Tỉnh và một trong những trung tâm du lịch biển lớn của vùng Bắc Trung Bộ.

II. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ, DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG.

2.1. Dự báo phát triển kinh tế:

Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế toàn vùng theo QHTTKT-XH đến năm 2020 tỉnh Quảng Trị :

- Giai đoạn 2010 - 2015: Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế khoảng 11.5-12.5 %,
- Giai đoạn 2016 - 2020: Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế khoảng 12.5-13.5%,
- Thu nhập GDP/người đến năm 2015 tăng hơn 2 lần so với năm 2010 (32 triệu đồng) và năm 2020 tăng hơn 2 lần so với năm 2015 (69 triệu đồng).
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đến năm 2015 tỷ trọng công nghiệp chiếm 49%, dịch vụ 31% và nông nghiệp 20%; đến năm 2020 tỷ trọng của 3 khu vực tương ứng là 56%, 31% và 13%.

Cơ cấu kinh tế - Đơn vị: %

TT	Danh mục	Hiện trạng	Quy hoạch	
		2011	2015	2020
1	Nông-lâm-thủy sản	27,89	20,0	13,0
2	Công nghiệp-Xây dựng	37,01	49,0	56
3	Thương mại-Dịch vụ	35,10	31,0	31,0
	Tổng cộng.	100	100	100

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị 2011 và QHTT phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

2.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

2.2.1. Hiện trạng dân số:

- + Tổng dân số : 604.671 người
- + Thành thị 177.227 người (29,31%)
- + Nông thôn 427.444 người (70,69%)

2.2.2. Dự báo phát triển dân số:

a. Dự báo khả năng phát triển dân số :

Bảng dự báo tỷ lệ tăng dân số tỉnh Quảng Trị đến năm 2020

Stt	Danh mục	Năm	
		2010	2020
	Tỷ lệ tăng dân số (%)	0,50	1.25
	<i>Trong đó:</i>		
	Tăng tự nhiên	0,98	0,97
	Tăng cơ học	-0,48	0.28

Dự kiến năm 2015 dân số toàn tỉnh ổn định khoảng 700.000 người, đến năm 2020 có khoảng 750.000 người.

b. Dân số đô thị và tỉ lệ dân số đô thị so tổng dân số

- + Dân số đô thị:
 - Hiện trạng (2011): 177.227,0 người
 - Năm 2015 : 210.000,0 - 250.000 người
 - Năm 2020: 350.000,0 – 400.000,0 người
- + Tỷ lệ dân số đô thị so với tổng dân số:
 - Hiện trạng: 29,31%,
 - Dự báo: năm 2015 đạt khoảng 33% , năm 2020 đạt khoảng 48%.

Bảng dự báo dân số đô thị đến năm 2020

Stt	Hạng mục	Hiện trạng (2010)		Dự báo(2020)	
		Dân số (người)	tỷ lệ (%)	Dân số (người)	tỷ lệ (%)
		177.227,0	100,0	355.100	100,00
A	Các đô thị đang phát triển	180.003,00	100,0	324.100	91,27
1	Thành phố Đông Hà	86.333,00	48,71	150.000	42,24
2	Thị xã Quảng Trị	22.976,00	12,96	32.775	9,23
3	Thị trấn Hải Lăng	2.865,00	1,62	5.000	1,41

4	Thị trấn Ái Tử	3.697,00	2,09	5.500	1,55
5	Thị trấn Gio Linh	7.195,00	4,06	10.500	2,96
6	Thị trấn Cửa Việt	4.812,00	2,72	7.000	1,97
7	Thị trấn Cửa Tùng	5.702,00	3,22	8.500	2,39
8	Thị trấn Hồ Xá	11.997,00	6,77	20.000	5,63
9	Thị trấn Bến Quan	3.643,00	2,06	6.000	1,69
10	Thị trấn Cam Lộ	6.202,00	3,50	10.000	2,82
11	Thị trấn Krông Klang	3.342,00	1,89	5.000	1,41
12	Đô thị Khe Sanh	11.245,00	6,34	33.792	9,52
13	Đô thị Lao Bảo	9.994,00	5,64	30.033	8,46
B	Các đô thị dự kiến phát triển			31.000	8,73
1	Thị trấn Bồ Bàn			4.000	1,13
2	Thị trấn Tà Rụt			4.000	1,13
3	Thị trấn Hướng Phùng			5.000	1,41
4	Thị trấn A. Túc			4.000	1,13
5	Thị trấn Mỹ Thủy			4.000	1,13
6	Thị trấn Mỹ Chánh			6.000	1,69
7	Thị trấn La Vang			4.000	1,13

III. ĐÔ THỊ HÓA

3.1. Thực trạng đô thị hóa tỉnh Quảng Trị.

Tốc độ tăng dân số thời kỳ 2005 đến 2011 là 1,14%/năm. Tốc độ đô thị hóa của các đô thị trong toàn tỉnh giai đoạn hiện nay là khoảng 23,22%, trong đó đô thị có tốc độ đô thị hóa cao nhất là thành phố Đông Hà với khoảng 36,47%, đô thị có tốc độ đô thị hóa thấp nhất là thị trấn Krông Klang khoảng 7,54%.

3.2. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa:

Xu thế chung của thế giới cũng như Việt Nam là tỷ lệ đô thị hóa sẽ tăng. tỷ lệ này ở Quảng Trị hiện tại (năm 2011) là 71,19%, dự báo đến năm 2020 khoảng 50-60%. Quá trình CNH sẽ làm cho thành phần lao động phi nông nghiệp tăng dần lên và sẽ cao hơn thành phần lao động nông nghiệp.

Dự báo đến năm 2015 tỷ lệ đô thị hóa 30- 33%, đến năm 2020 có tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40- 50%. Để đạt phương án có tỷ lệ này phải đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp – TTCN và dịch vụ, phát triển cơ sở hạ tầng.

IV. DỰ BÁO NHU CẦU ĐẤT XÂY DỰNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ – KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.

4.1. Dự báo số lượng đô thị:

Căn cứ vào quyết định 1659/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020, và các đề xuất của các địa phương. Dự báo đến năm 2020 toàn tỉnh Quảng Trị có 20 đô thị được nhà nước công nhận trên cơ sở nâng cấp, mở rộng 13 đô thị hiện có và xây dựng mới 7 đô thị.